

Số: 468/YCBG-BVĐKBN2
V/v đăng tải thông tin yêu cầu báo
giá gói thầu Mua sắm hoá chất, vật tư
xét nghiệm lần 2 năm 2025-2027

Bắc Ninh, ngày 15 tháng 01 năm 2026

YÊU CẦU BÁO GIÁ
Gói thầu: Mua sắm hoá chất, vật tư xét nghiệm lần 2 năm 2025-2027

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Bệnh viện đa khoa Bắc Ninh số 2 có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, làm cơ sở tổ chức mua sắm gói thầu Mua sắm hoá chất, vật tư xét nghiệm lần 2 năm 2025-2027 với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện đa khoa Bắc Ninh số 2.

Địa chỉ: Đường Nguyễn Quyền - Phường Võ Cường - Tỉnh Bắc Ninh.

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

- Họ và tên: Nguyễn Thị Nga

- Chức vụ: Văn thư

- Số điện thoại: 0222.3821.242

- Địa chỉ email: bvdkbacninh@gmail.com

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

Bệnh viện đa khoa Bắc Ninh số 2 tiếp nhận báo giá theo một trong các cách thức sau:

- *Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Văn thư - Bệnh viện đa khoa Bắc Ninh số 2 - Đường Nguyễn Quyền - Phường Võ Cường - Tỉnh Bắc Ninh.*

- *Hoặc nhận qua email (bản quét PDF đã có chữ ký, đóng dấu đỏ Công ty và file excel) theo địa chỉ: bvdkbacninh@gmail.com*

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ ngày 15 tháng 01 năm 2026 đến trước 16h30' ngày 26 tháng 01 năm 2026.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày 26 tháng 01 năm 2026.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục hoá chất, vật tư xét nghiệm yêu cầu chi tiết Bảng sau: Theo Phụ lục đính kèm

2. Địa điểm cung cấp, lắp đặt; các yêu cầu về vận chuyển, cung cấp, lắp

đặt, bảo quản hoá chất, vật tư xét nghiệm:

- Địa điểm giao hàng: Giao hàng tại kho Vật tư, Bệnh viện đa khoa Bắc Ninh số 2, Đường Nguyễn Quyền, Phường Võ Cường, tỉnh Bắc Ninh.

- Hàng hóa được cung cấp thành nhiều đợt theo yêu cầu hàng tháng của Bệnh viện.

- Thời gian giao hàng dự kiến: Giao hàng trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu từ Bệnh viện đa khoa Bắc Ninh số 2 (Giao hàng trong giờ hành chính)

3. Thời gian thực hiện hợp đồng dự kiến: 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

4. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng:

- Không tạm ứng.

- Thanh toán bằng chuyển khoản.

- Thanh toán trong vòng 90 ngày kể từ ngày hoàn tất các thủ tục thanh toán (hóa đơn, biên bản bàn giao và các chứng từ liên quan...) bên mua sẽ chuyển khoản toàn bộ số tiền đã mua hàng hóa cho bên bán.

5. Các thông tin khác (nếu có).

- Chất lượng hàng hoá mới 100%

- Báo giá đã bao gồm các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có)... Và các khoản chi phí khác có liên quan, bên mua không phải trả thêm bất kỳ khoản chi phí nào khác.

Lưu ý :

- Nhà thầu có thể báo giá theo từng phần của gói thầu (phần 1, 2, 3,...) hoặc nhiều phần hoặc cả gói thầu hoặc báo giá một hoặc một số mặt hàng trong một phần lô.

- Đề nghị nhà thầu chào rõ tiêu chuẩn chất lượng của hàng hóa .

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Cổng thông tin điện tử UBND tỉnh (đăng tải);
- Cổng thông tin điện tử SYT (đăng tải);
- Phòng TCKT (đăng tải trên HT mạng ĐT Quốc gia);
- Phòng Công nghệ thông tin (đăng tải trên website của BV);
- Lưu VT, HỖXDG.

GIÁM ĐỐC

Hạ Bá Chân

Phụ lục: Yêu cầu về tính năng, yêu cầu kỹ thuật

Gói thầu: Mua sắm hoá chất, vật tư xét nghiệm lần 2 năm 2025-2027
(Kèm theo yêu cầu báo giá số 468/YCBG-BVĐKBN2 ngày 15/01/2026 của Bệnh viện đa khoa Bắc Ninh số 2)

ST T	Danh mục hàng hóa	Yêu cầu về tính năng, yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
1	Vật tư, hoá chất dùng cho máy điện di huyết sắc tố model Minicap Flex Piercing, hãng Sebia			
1.1	Cốc thuốc thử	- Cốc đựng hóa chất phản ứng cho các xét nghiệm điện di mao quản trên máy điện di huyết sắc tố. - Một cốc thuốc thử được dùng để phân tích 2 mẫu. - Sử dụng được trên máy điện di huyết sắc tố model Minicap Flex Piercing, hãng Sebia.	Cái	250
1.2	Dung dịch rửa điện di mao quản	- Dung dịch rửa các mao quản trước quá trình hemoglobin cho các xét nghiệm điện di mao quản. - Sử dụng được trên máy điện di huyết sắc tố model Minicap Flex Piercing, hãng Sebia.	ml	300
1.3	Dung dịch rửa kim	- Dung dịch dùng để vệ sinh đầu dò mẫu trên máy điện di huyết sắc tố. - Thành phần: natri hypochlorite. - Sử dụng được trên máy điện di huyết sắc tố model Minicap Flex Piercing, hãng Sebia.	ml	100
1.4	Hóa chất xét nghiệm điện di Hb	- Hóa chất phân tách các hemoglobin bình thường (A, A2 và F) ở các mẫu máu người và phát hiện các biến thể hemoglobin chính (S, C, E và D) trên máy điện di huyết sắc tố. - Sử dụng được trên máy điện di huyết sắc tố model Minicap Flex Piercing, hãng Sebia.	ml	15.000
1.5	Hóa chất xét nghiệm điện di Protein	- Hóa chất phân tách huyết thanh người trong dung dịch đệm kiềm. - Sử dụng được trên máy điện di huyết sắc tố model Minicap Flex Piercing, hãng Sebia.	ml	525
1.6	Hoá chất nội kiểm điện di Protein mức bình thường	Hoá chất được Sử dụng được để kiểm soát chất lượng protein, lipoprotein, cholesterol và apolipoprotein trong huyết thanh người. - Thành phần: Huyết thanh đối chứng được lấy từ huyết thanh thông thường ở người, dạng đông khô.	ml	05

ST T	Danh mục hàng hóa	Yêu cầu về tính năng, yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
		-Sử dụng được trên máy điện di huyết sắc tố model Minicap Flex Piercing, hãng Sebia.		
1.7	Hóa chất nội kiểm HbA2 mức bình thường	- Hoá chất để kiểm soát chất lượng định lượng huyết sắc tố A2 và đối chứng sự di chuyển của huyết sắc tố trong quy trình điện di. -Sử dụng được trên máy điện di huyết sắc tố model Minicap Flex Piercing, hãng Sebia.	ml	16
1.8	Ống chiết tách mẫu kiểm chuẩn	- Ống và nắp để chiết tách mẫu kiểm chuẩn trong xét nghiệm điện di mao quản. -Sử dụng được trên máy điện di huyết sắc tố model Minicap Flex Piercing, hãng Sebia.	Ống	40
2	Vật tư, hoá chất dùng cho máy định danh và làm kháng sinh đồ model BD Phoenix™ M50, hãng Becton Dickinson and Company (BD)			
2.1	Ống chuẩn cho máy đo độ đục	- Hoá chất dùng để hiệu chuẩn máy đo độ đục. - Sử dụng được trên máy đo độ đục BD PhoenixSpec Nephelometer.	Ống	12
2.2	Canh trường định danh	- Hoá chất dùng để chuẩn bị huyền dịch vi khuẩn và vi nấm trong xét nghiệm định danh và xét nghiệm tính nhạy cảm với kháng sinh của vi khuẩn gram âm, vi khuẩn gram dương và vi nấm. - Thành phần: Potassium chloride, Calcium chloride, Tricine glycine, Polysorbate 80. -Sử dụng được trên máy định danh và làm kháng sinh đồ model BD Phoenix™ M50, hãng Becton Dickinson and Company (BD)	ml	24.750
2.3	Canh trường kháng sinh đồ	- Hoá chất dùng để chuẩn bị huyền dịch vi khuẩn trong xét nghiệm tính nhạy cảm với kháng sinh của vi khuẩn gram âm, vi khuẩn gram dương. - Thành phần: Canh trường Mueller Hinton, Polysorbate 80. -Sử dụng được trên máy định danh và làm kháng sinh đồ model BD Phoenix™ M50, hãng Becton Dickinson and Company (BD)	ml	80.000
2.4	Canh trường làm kháng sinh đồ cho liên cầu	- Hoá chất dùng để pha loãng huyền dịch vi khuẩn làm kháng sinh đồ vi khuẩn cho nhóm liên cầu khuẩn. - Thành phần: Pancreatic Digest of Casein, Peptones, Thymidine Phosphorylase, Polysorbate 80 .	ml	2.400

ST T	Danh mục hàng hóa	Yêu cầu về tính năng, yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
		-Sử dụng được trên máy định danh và làm kháng sinh đồ model BD Phoenix™ M50, hãng Becton Dickinson and Company (BD).		
2.5	Chỉ thị kháng sinh đồ	- Chỉ thị dùng để phát hiện sự trao đổi chất của vi khuẩn trong xét nghiệm tính nhạy cảm với kháng sinh của vi khuẩn gram âm, vi khuẩn gram dương. - Thành phần: chất chỉ thị oxy hóa-khử, chất ổn định oxy hóa-khử. -Sử dụng được trên máy định danh và làm kháng sinh đồ model BD Phoenix™ M50, hãng Becton Dickinson and Company (BD)	ml	600
2.6	Chỉ thị kháng sinh đồ cho liên cầu	- Chỉ thị làm kháng sinh đồ cho liên cầu khuẩn Sử dụng được trên máy định danh. - Thành phần: Chất oxy hóa khử; Chất ổn định oxy hóa khử. -Sử dụng được trên máy định danh và làm kháng sinh đồ model BD Phoenix™ M50, hãng Becton Dickinson and Company (BD)	ml	36
2.7	Thanh định danh và kháng sinh đồ cho liên cầu	Thanh định danh dùng để định danh nhanh và thử nghiệm độ nhạy cảm của các loài vi khuẩn Streptococcus có nguồn gốc từ người. - Có chứa các loại kháng sinh và 1 giếng kiểm soát sinh trưởng. Các kháng sinh thuộc các nhóm: Beta-lactam, Phenicol, Macrolides Lincosamides, Quinolone, Oxazolidinone, Glycopeptide, Tetracycline, Folate Antagonist. - Sử dụng được trên máy định danh và làm kháng sinh đồ model BD Phoenix™ M50, hãng Becton Dickinson and Company (BD)	Thanh	300
2.8	Thanh định danh nấm men	Thanh định danh dùng để định danh nhanh hầu hết các loại nấm men và các vi sinh vật giỔng nấm men. - Thanh bao gồm 45 giếng cơ chất hoá sinh và 2 giếng huỳnh quang. - Sử dụng được trên máy định danh và làm kháng sinh đồ model BD Phoenix™ M50, hãng Becton Dickinson and Company (BD)	Thanh	300
2.9	Thanh định danh vi khuẩn gram âm	Thanh định danh dùng để định danh nhanh các loại vi khuẩn Gram âm hiếu khí và kỵ khí tùy nghi.	Thanh	3.500

ST T	Danh mục hàng hóa	Yêu cầu về tính năng, yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
		<ul style="list-style-type: none"> - Thanh bao gồm 45 giếng cơ chất hoá sinh và 2 giếng huỳnh quang. - Sử dụng được trên máy định danh và làm kháng sinh đồ model BD Phoenix™ M50, hãng Becton Dickinson and Company (BD) 		
2.10	Thanh định danh vi khuẩn gram dương	<p>Thanh định danh dùng để định danh nhanh các loại vi khuẩn Gram dương hiếu khí và kỵ khí tùy nghi.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thanh bao gồm 45 giếng cơ chất hoá sinh và 2 giếng huỳnh quang. - Sử dụng được trên máy định danh và làm kháng sinh đồ model BD Phoenix™ M50, hãng Becton Dickinson and Company (BD) 	Thanh	1.500
2.11	Thanh kháng sinh đồ vi khuẩn gram âm	<p>Thanh dùng để thử nghiệm độ nhạy cảm của hầu hết các loại vi khuẩn Gram âm hiếu khí và kỵ khí tùy nghi .</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có chứa các loại kháng sinh và 1 giếng kiểm soát sinh trưởng. Các kháng sinh thuộc các nhóm: Beta-lactam, Aminoglycoside, Quinolone, Cyclic peptide, Tetracycline, Fosfomycin, Nitrofurantoin, Glycylcycline, Folate Antagonist. - Sử dụng được trên máy định danh và làm kháng sinh đồ model BD Phoenix™ M50, hãng Becton Dickinson and Company (BD) 	Thanh	3.500
2.12	Thanh kháng sinh đồ vi khuẩn gram dương	<p>Thanh dùng để xét nghiệm độ nhạy cảm của hầu hết các loại vi khuẩn Gram dương hiếu khí và kỵ khí tùy nghi.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có chứa các loại kháng sinh và 1 giếng kiểm soát sinh trưởng. Các kháng sinh thuộc các nhóm: Beta-lactam, Aminoglycoside, Macrolides Lincosmides, Phenicol, Quinolone, Tetracycline, Fosfomycin, Fusidane, Oxazolidinone, Pseudomonic acid, Nitrofurantoin, Glycopeptide, Folate Antagonist. - Sử dụng được trên máy định danh và làm kháng sinh đồ model BD Phoenix™ M50, hãng Becton Dickinson and Company (BD) 	Thanh	1.500
3	Vật tư, hoá chất dùng cho máy xét nghiệm sinh hoá Cobas 8000, hãng Roche Diagnostics			

ST T	Danh mục hàng hóa	Yêu cầu về tính năng, yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
3.1	Bóng đèn 50W	Bóng đèn halogen cho máy xét nghiệm sinh hoá. - Nguồn điện: 12V. - Công suất: 50W. - Sử dụng được trên máy xét nghiệm sinh hoá Cobas 8000, hãng Roche Diagnostics.	Cái	18
3.2	Cống ủ và đo quang hỗn hợp phản ứng	Cống ủ và đo quang hỗn hợp phản ứng dùng cho máy xét nghiệm sinh hoá. - Sử dụng được trên máy xét nghiệm sinh hoá Cobas 8000, hãng Roche Diagnostics.	Cái	168
3.3	Điện cực xét nghiệm Clorid	Điện cực Clorid dùng cho máy xét nghiệm sinh hoá. - Tuổi thọ: ≥ 2 tháng hoặc ≥ 9000 xét nghiệm. - Sử dụng được trên máy xét nghiệm sinh hoá Cobas 8000, hãng Roche Diagnostics.	Cái	08
3.4	Điện cực xét nghiệm Kali	Điện cực Kali dùng được cho máy xét nghiệm sinh hoá Cobas 8000. - Tuổi thọ: ≥ 2 tháng hoặc ≥ 9000 xét nghiệm. - Sử dụng được trên máy xét nghiệm sinh hoá Cobas 8000, hãng Roche Diagnostics.	Cái	08
3.5	Điện cực xét nghiệm Natri	Điện cực Natri dùng được cho máy xét nghiệm sinh hoá Cobas 8000. - Tuổi thọ: ≥ 2 tháng hoặc ≥ 9000 xét nghiệm. - Sử dụng được trên máy xét nghiệm sinh hoá Cobas 8000, hãng Roche Diagnostics.	Cái	08
3.6	Điện cực tham chiếu xét nghiệm Natri, Kali, Clorid	- Điện cực tham chiếu dùng cho máy xét nghiệm sinh hoá. - Sử dụng được trên máy xét nghiệm sinh hoá Cobas 8000, hãng Roche Diagnostics.	Cái	08
3.7	Dung dịch rửa cho kim hút thuốc thử và cống phản ứng	Dung dịch rửa cho kim hút thuốc thử và cống phản ứng. - Thành phần: HCl . - Sử dụng được trên máy xét nghiệm sinh hoá Cobas 8000, hãng Roche Diagnostics.	ml	1.190
3.8	Dung dịch rửa cho kim hút mẫu	Dung dịch rửa cho kim hút mẫu. - Thành phần: Đệm; chất tẩy. - Sử dụng được trên máy xét nghiệm sinh hoá Cobas 8000, hãng Roche Diagnostics.	ml	960

ST T	Danh mục hàng hóa	Yêu cầu về tính năng, yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
3.9	Dung dịch rửa cho máy xét nghiệm sinh hoá	Dung dịch rửa cho máy xét nghiệm sinh hoá. - Thành phần: NaOH, chất tẩy. - Sử dụng được trên máy xét nghiệm sinh hoá Cobas 8000, hãng Roche Diagnostics.	ml	10.200
3.10	Dung dịch rửa có tính kiềm cho công phản ứng	Dung dịch rửa có tính kiềm cho công phản ứng. - Thành phần: natri hydroxide, chất tẩy. - Sử dụng được trên máy xét nghiệm sinh hoá Cobas 8000, hãng Roche Diagnostics.	ml	720.000
3.11	Dung dịch rửa công phản ứng	Dung dịch rửa công phản ứng. - Thành phần: acid citric monohydrate, đệm, chất tẩy. - Sử dụng được trên máy xét nghiệm sinh hoá Cobas 8000, hãng Roche Diagnostics.	ml	54.000
3.12	Dung dịch rửa mang tính kiềm cho kim hút mẫu	Dung dịch rửa mang tính kiềm cho kim hút mẫu. - Thành phần: natri hydroxide. - Sử dụng được trên máy xét nghiệm sinh hoá Cobas 8000, hãng Roche Diagnostics.	ml	2.160
3.13	Dung dịch tham chiếu cho xét nghiệm điện giải	Dung dịch tham chiếu cho xét nghiệm điện giải. - Thành phần: kali chloride. - Sử dụng được trên máy xét nghiệm sinh hoá Cobas 8000, hãng Roche Diagnostics.	ml	72.000
3.14	Hoá chất pha loãng cho xét nghiệm điện giải	Hoá chất pha loãng cho xét nghiệm điện giải. - Thành phần: Đệm, Triethanolamine - Sử dụng được trên máy xét nghiệm sinh hoá Cobas 8000, hãng Roche Diagnostics.	ml	400.000
3.15	Hoá chất pha loãng cho xét nghiệm sinh hoá	Hoá chất pha loãng được Sử dụng được làm chất pha loãng mẫu kết hợp với các thuốc thử xét nghiệm. - Thành phần: NaCl - Sử dụng được trên máy xét nghiệm sinh hoá Cobas 8000, hãng Roche Diagnostics.	ml	3.570
3.16	Hoá chất ủ cho máy xét nghiệm sinh hoá	Hoá chất ủ là chất phụ gia thêm vào buồng phản ứng để làm giảm sức căng bề mặt. - Thành phần: Chất tẩy - Sử dụng được trên máy xét nghiệm sinh hoá Cobas 8000, hãng Roche Diagnostics.	ml	13.440
3.17	Hoá chất định lượng Acid uric	Hoá chất dùng để định lượng acid uric trong huyết thanh, huyết tương và nước tiểu người.	Test	12.000

ST T	Danh mục hàng hóa	Yêu cầu về tính năng, yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
		- Sử dụng được trên máy xét nghiệm sinh hoá Cobas 8000, hãng Roche Diagnostics.		
3.18	Hoá chất định lượng Albumin	Hoá chất định lượng Albumin dùng để định lượng albumin trong huyết thanh và huyết tương người. - Thành phần: + Đệm citrate + Đệm citrate, xanh bromcresol. - Sử dụng được trên máy xét nghiệm sinh hoá Cobas 8000, hãng Roche Diagnostics.	Test	48.750
3.19	Hoá chất định lượng Amylase	Hoá chất định lượng Amylase dùng để định lượng α -amylase trong huyết thanh, huyết tương và nước tiểu người. - Thành phần: + HEPES, natri chloride, calcium chloride, magnesium chloride, α -glucosidase. + HEPES, ethylidene-G7-PNP. - Sử dụng được trên máy xét nghiệm sinh hoá Cobas 8000, hãng Roche Diagnostics.	Test	1.500
3.20	Hoá chất định lượng Anti- CCP	Hoá chất dùng để để bán định lượng tự kháng thể IgG người kháng peptide citrulline hóa dạng vòng trong huyết thanh người. - Thành phần: + Vi hạt phủ Streptavidin + Peptide citrulline hóa dạng vòng đánh dấu biotin; đệm phosphate + Kháng thể đơn dòng kháng IgG người đánh dấu ruthenium; đệm phosphate. - Sử dụng được trên máy xét nghiệm sinh hoá Cobas 8000, hãng Roche Diagnostics.	Test	1.000
3.21	Hoá chất định lượng Bilirubin toàn phần	Hoá chất định lượng Bilirubin toàn phần dùng để định lượng bilirubin toàn phần trong huyết thanh và huyết tương của người lớn và trẻ sơ sinh. - Thành phần: + Phosphate. + Muối 3,5-dichlorophenyl diazonium. - Sử dụng được trên máy xét nghiệm sinh hoá Cobas 8000, hãng Roche Diagnostics.	Test	15.000
3.22	Hoá chất định lượng Bilirubin trực tiếp	Hoá chất định lượng Bilirubin trực tiếp dùng để định lượng Bilirubin trực tiếp trong huyết thanh và	Test	12.500

ST T	Danh mục hàng hóa	Yêu cầu về tính năng, yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
		<p>huyết tương người.</p> <p>- Thành phần:</p> <p>+ Acid phosphoric, HEDTA, NaCl.</p> <p>+ 3,5 Dichlorophenyl diazonium.</p> <p>- Sử dụng được trên máy xét nghiệm sinh hoá Cobas 8000, hãng Roche Diagnostics.</p>		
3.23	Hoá chất định lượng C3	<p>Hoá chất định lượng C3 dùng để định lượng bổ thể C3c trong huyết thanh và huyết tương người.</p> <p>- Thành phần:</p> <p>+ Đệm, polyethylene glycol.</p> <p>+ Kháng thể kháng C3c người, đệm.</p> <p>- Sử dụng được trên máy xét nghiệm sinh hoá Cobas 8000, hãng Roche Diagnostics.</p>	Test	8.100
3.24	Hoá chất định lượng C4	<p>Hoá chất dùng để định lượng in vitro C4 người trong huyết thanh và huyết tương người.</p> <p>- Thành phần:</p> <p>+ Đệm, polyethylene glycol</p> <p>+ Kháng thể C4 người, đệm</p> <p>- Sử dụng được trên máy xét nghiệm sinh hoá Cobas 8000, hãng Roche Diagnostics.</p>	Test	8.100
3.25	Hoá chất định lượng Cholesterol	<p>Hoá chất dùng để định lượng cholesterol trong huyết thanh và huyết tương người.</p> <p>- Thành phần: Đệm, Mg^{2+}, natri cholate, 4-aminoantipyrine, phenol, ete polyglycol rượu béo, cholesterol esterase, cholesterol oxidase, peroxidase.</p> <p>- Sử dụng được trên máy xét nghiệm sinh hoá Cobas 8000, hãng Roche Diagnostics.</p>	Test	73.500
3.26	Hoá chất định lượng CK	<p>Hoá chất dùng để định lượng creatine kinase (CK) trong huyết thanh và huyết tương người.</p> <p>- Thành phần:</p> <p>+ Đệm, EDTA, Mg^{2+}, ADP, AMP, diadenosine pentaphosphate, $NADP^+$, N-acetylcysteine, HK, G6PDH.</p> <p>+ Đệm, glucose, EDTA, creatine phosphate.</p> <p>- Sử dụng được trên máy xét nghiệm sinh hoá Cobas 8000, hãng Roche Diagnostics.</p>	Test	4.800
3.27	Hoá chất định lượng CK-MB	<p>Hoá chất dùng để định lượng hoạt tính xúc tác của tiểu đơn vị creatine kinase MB (CK-MB) trong</p>	Test	1.800

ST T	Danh mục hàng hóa	Yêu cầu về tính năng, yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
		<p>huyết thanh và huyết tương người.</p> <p>- Thành phần:</p> <p>+ Đệm, EDTA, Mg²⁺, ADP, AMP, diadenosine pentaphosphate, NADP, N-acetylcysteine, HK, G6P-DH.</p> <p>+ Đệm, glucose, EDTA, creatine phosphate, kháng thể đơn dòng kháng CK-M.</p> <p>- Sử dụng được trên máy xét nghiệm sinh hoá Cobas 8000, hãng Roche Diagnostics.</p>		
3.28	Hoá chất định lượng Creatinine	<p>Hoá chất dùng để định lượng nồng độ Creatinine trong huyết thanh, huyết tương và nước tiểu người.</p> <p>- Thành phần:</p> <p>+ Đệm, creatinase, sarcosine oxidase, ascorbate oxidase, catalase, HTIB.</p> <p>+ Đệm, creatininase, peroxidase, 4-aminophenazone, kali hexacyanoferrate.</p> <p>- Sử dụng được trên máy xét nghiệm sinh hoá Cobas 8000, hãng Roche Diagnostics.</p>	Test	270.000
3.29	Hoá chất định lượng CRP	<p>Hoá chất dùng để định lượng in vitro CRP trong huyết thanh và huyết tương người .</p> <p>- Thành phần</p> <p>+ Đệm với albumin huyết thanh bò</p> <p>+ Hạt latex phủ kháng thể kháng CRP trong đệm glycine, globulin miễn dịch.</p> <p>- Sử dụng được trên máy xét nghiệm sinh hoá Cobas 8000, hãng Roche Diagnostics.</p>	Test	15.000
3.30	Hoá chất định lượng Glucose	<p>Hoá chất dùng để định lượng glucose trong huyết thanh, huyết tương, nước tiểu và dịch não tủy người.</p> <p>- Thành phần:</p> <p>+ Đệm, Mg²⁺, ATP, NADP.</p> <p>+ Đệm, Mg²⁺, HK , G-6-PDH.</p> <p>- Sử dụng được trên máy xét nghiệm sinh hoá Cobas 8000, hãng Roche Diagnostics.</p>	Test	264.000
3.31	Hoá chất định lượng GOT/AST	<p>Hoá chất định lượng GOT/AST dùng để định lượng aspartate aminotransferase (AST) trong huyết thanh và huyết tương người.</p> <p>- Thành phần:</p>	Test	275.000

ST T	Danh mục hàng hóa	Yêu cầu về tính năng, yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
		+ Đệm, L-aspartate, MDH, LDH, albumin. + NADH, 2-oxoglutarate. - Sử dụng được trên máy xét nghiệm sinh hoá Cobas 8000, hãng Roche Diagnostics.		
3.32	Hoá chất định lượng GPT/ALT	Hoá chất định lượng GPT/ALT dùng để định lượng aminotransferase (ALT) trong huyết thanh và huyết tương. - Thành phần: + Đệm, L-alanine, albumin, LDH. + 2-Oxoglutarate, NADH. - Sử dụng được trên máy xét nghiệm sinh hoá Cobas 8000, hãng Roche Diagnostics.	Test	275.000
3.33	Hoá chất định lượng các globulin miễn dịch liên kết và tự do của các loại chuỗi nhẹ lambda	Hoá chất dùng để định lượng các globulin miễn dịch liên kết và tự do của các loại chuỗi nhẹ kappa trong huyết thanh và huyết tương người. - Thành phần: + Đệm, NaCl, PEG + Kháng thể đa dòng kháng lambda người phụ thuộc vào độ chuẩn, đệm, NaCl. - Sử dụng được trên máy xét nghiệm sinh hoá Cobas 8000, hãng Roche Diagnostics.	Test	1.000
3.34	Hoá chất định lượng IgG	Hoá chất dùng để định lượng IgG trong huyết thanh, huyết tương, dịch não tủy và nước tiểu người. - Thành phần: + Đệm, NaCl, polyethylene glycol + Kháng thể kháng IgG người, đệm, NaCl. - Sử dụng được trên máy xét nghiệm sinh hoá Cobas 8000, hãng Roche Diagnostics.	Test	1.500
3.35	Hoá chất định lượng IgA	Hoá chất dùng để định lượng IgA trong huyết thanh và huyết tương người. - Thành phần: + Đệm, NaCl, polyethylene glycol + Kháng thể kháng IgA người, đệm, NaCl. - Sử dụng được trên máy xét nghiệm sinh hoá Cobas 8000, hãng Roche Diagnostics.	Test	1.500
3.36	Hoá chất định lượng IgM	Hoá chất định lượng IgM trong huyết thanh và huyết tương người. - Thành phần:	Test	1.500

ST T	Danh mục hàng hóa	Yêu cầu về tính năng, yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
		+ Đệm, NaCl, polyethylene glycol + Kháng thể kháng IgM người, NaCl. - Sử dụng được trên máy xét nghiệm sinh hoá Cobas 8000, hãng Roche Diagnostics.		
3.37	Hoá chất định lượng LDH	Hoá chất dùng để định lượng lactate dehydrogenase (LDH) trong huyết thanh và huyết tương người. - Thành phần: + N-methylglucamine, lithium lactate + NAD - Sử dụng được trên máy xét nghiệm sinh hoá Cobas 8000, hãng Roche Diagnostics.	Test	1.500
3.38	Hoá chất định lượng LDL-Cholesterol	Hoá chất dùng để định lượng LDL-cholesterol trong huyết thanh và huyết tương người. - Thành phần: + Đệm, 4-aminoantipyrine, ascorbate oxidase, peroxidase, BSA. + Đệm, cholesterol esterase, cholesterol oxidaseperoxidase, BSA. - Sử dụng được trên máy xét nghiệm sinh hoá Cobas 8000, hãng Roche Diagnostics.	Test	33.000
3.39	Hoá chất định lượng β 2-microglobulin	Hoá chất dùng để định lượng β 2-microglobulin (B2MG) trong huyết thanh, huyết tương và nước tiểu người. - Thành phần: + Đệm, NaCl, EDTA + Hạt latex phủ kháng thể đa dòng kháng β 2-microglobulin người. - Sử dụng được trên máy xét nghiệm sinh hoá Cobas 8000, hãng Roche Diagnostics.	Test	1.400
3.40	Hoá chất định lượng Protein toàn phần	Hoá chất dùng để định lượng protein toàn phần trong huyết thanh và huyết tương người. - Thành phần: + Natri hydroxide, kali natri tartrate. + Natri hydroxide, kali natri tartrate, kali iodide, đồng sulfate. - Sử dụng được trên máy xét nghiệm sinh hoá Cobas 8000, hãng Roche Diagnostics.	Test	42.000

ST T	Danh mục hàng hóa	Yêu cầu về tính năng, yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
3.41	Hoá chất định lượng Triglycerid	<p>Hoá chất dùng để định lượng triglyceride trong huyết thanh và huyết tương người.</p> <p>- Thành phần: Đệm, Mg²⁺, natri cholate, ATP, 4-aminophenazone, 4-chlorophenol, lipoprotein lipase, glycerol kinase, glycerol phosphate oxidase, peroxidase.</p> <p>- Sử dụng được trên máy xét nghiệm sinh hoá Cobas 8000, hãng Roche Diagnostics.</p>	Test	80.000
3.42	Hoá chất định lượng Ure	<p>Hoá chất dùng để định lượng urea/urea nitrogen trong huyết thanh, huyết tương và nước tiểu người.</p> <p>- Thành phần: + NaCl + Đệm, 2-oxoglutarate, NADH, ADP, urease, GLDH.</p> <p>- Sử dụng được trên máy xét nghiệm sinh hoá Cobas 8000, hãng Roche Diagnostics.</p>	Test	247.000
3.43	Hoá chất định lượng yếu tố thấp khớp RF	<p>Hoá chất dùng để định lượng yếu tố thấp khớp RF trong huyết thanh và huyết tương người.</p> <p>- Thành phần: + Đệm, polyethylene glycol, albumin huyết thanh bò + Vi hạt latex phủ IgG người, đệm.</p> <p>- Sử dụng được trên máy xét nghiệm sinh hoá Cobas 8000, hãng Roche Diagnostics.</p>	Test	2.000
3.44	Hoá chất hiệu chuẩn xét nghiệm CK-MB	<p>Hoá chất hiệu chuẩn cho các phương pháp định lượng CK-MB.</p> <p>- Thành phần: Albumin huyết thanh bò với chất phụ gia hóa học và nguyên liệu có nguồn gốc sinh học (CK-MM người, CK-MB người, tái tổ hợp), chất ổn định.</p> <p>- Sử dụng được trên máy xét nghiệm sinh hoá Cobas 8000, hãng Roche Diagnostics.</p>	ml	06
3.45	Hoá chất hiệu chuẩn xét nghiệm CRP	<p>Hoá chất hiệu chuẩn được dùng trong chuẩn định các phương pháp định lượng.</p> <p>- Thành phần: Huyết thanh người với phụ gia hóa học và nguyên liệu có nguồn gốc sinh học.</p>	ml	15

ST T	Danh mục hàng hóa	Yêu cầu về tính năng, yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
		- Sử dụng được trên máy xét nghiệm sinh hoá Cobas 8000, hãng Roche Diagnostics.		
3.46	Hoá chất hiệu chuẩn xét nghiệm điện giải mức cao	Hoá chất hiệu chuẩn xét nghiệm điện giải mức cao được dùng để chuẩn điện cực chọn lọc ion trên máy phân tích sinh hoá. - Thành phần: Na ⁺ , K ⁺ , Cl ⁻ với nồng độ theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất. - Sử dụng được trên máy xét nghiệm sinh hoá Cobas 8000, hãng Roche Diagnostics.	ml	120
3.47	Hoá chất hiệu chuẩn xét nghiệm điện giải mức thấp	Hoá chất hiệu chuẩn xét nghiệm điện giải mức thấp được dùng để chuẩn điện cực chọn lọc ion trên máy phân tích sinh hoá. - Thành phần: Na ⁺ , K ⁺ , Cl ⁻ với nồng độ theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất. - Sử dụng được trên máy xét nghiệm sinh hoá Cobas 8000, hãng Roche Diagnostics.	ml	120
3.48	Hoá chất hiệu chuẩn xét nghiệm HDL-Cholesterol, LDL-Cholesterol	Hoá chất được dùng trong chuẩn định các phương pháp định lượng. - Thành phần: Huyết thanh người với phụ gia hóa học. - Sử dụng được trên máy xét nghiệm sinh hoá Cobas 8000, hãng Roche Diagnostics.	ml	12
3.49	Hoá chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng β 2-microglobulin	Hoá chất dùng để hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng β 2-microglobulin trên máy xét nghiệm sinh hoá. - Thành phần: albumin huyết thanh bò. - Sử dụng được trên máy xét nghiệm sinh hoá Cobas 8000, hãng Roche Diagnostics.	ml	08
3.50	Hoá chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng yếu tố thấp khớp RF	Hoá chất dùng để hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng yếu tố thấp khớp RF. - Thành phần: albumin huyết thanh bò. - Sử dụng được trên máy xét nghiệm sinh hoá Cobas 8000, hãng Roche Diagnostics.	ml	20
3.51	Hoá chất hiệu chuẩn xét nghiệm sinh hoá	Hoá chất hiệu chuẩn được dùng trong chuẩn định các phương pháp định lượng trên máy xét nghiệm sinh hoá. - Thành phần : Huyết thanh người với phụ gia hóa học và nguyên liệu có nguồn gốc sinh học, chất ổn định.	ml	360

ST T	Danh mục hàng hóa	Yêu cầu về tính năng, yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
		- Sử dụng được trên máy xét nghiệm sinh hoá Cobas 8000, hãng Roche Diagnostics.		
3.52	Hoá chất kiểm chứng điện thế điện cực	Hoá chất kiểm chứng điện thế điện cực được dùng để định lượng natri, kali và chloride trong huyết thanh, huyết tương hoặc nước tiểu Sử dụng được điện cực chọn lọc ion. - Thành phần: Đệm, Triethanolamine Natri chloride , Natri acetate, Kali chloride. - Sử dụng được trên máy xét nghiệm sinh hoá Cobas 8000, hãng Roche Diagnostics.	ml	600.000
3.53	Hoá chất kiểm chứng xét nghiệm sinh hoá ngưỡng bệnh lý	Hoá chất kiểm chứng được dùng trong kiểm tra chất lượng để kiểm tra độ đúng và độ chính xác của các phương pháp định lượng. - Thành phần: Huyết thanh người với phụ gia hóa học và nguyên liệu có nguồn gốc sinh học. - Sử dụng được trên máy xét nghiệm sinh hoá Cobas 8000, hãng Roche Diagnostics.	ml	600
3.54	Hoá chất kiểm chứng xét nghiệm sinh hoá ngưỡng bình thường	Hoá chất kiểm chứng ngưỡng bệnh lý được dùng trong kiểm tra chất lượng để kiểm tra độ đúng và độ chính xác của các phương pháp định lượng. - Thành phần: Huyết thanh người với phụ gia hóa học và nguyên liệu có nguồn gốc sinh học. - Sử dụng được trên máy xét nghiệm sinh hoá Cobas 8000, hãng Roche Diagnostics.	ml	600
3.55	Hoá chất kiểm chứng xét nghiệm định lượng β 2-microglobulin	Hoá chất dùng để kiểm tra xét nghiệm định lượng β 2-microglobulin. - Thành phần: Albumin huyết thanh bò với chất phụ gia hóa học và nguyên liệu có nguồn gốc sinh học. - Sử dụng được trên máy xét nghiệm sinh hoá Cobas 8000, hãng Roche Diagnostics.	ml	16
3.56	Hoá chất kiểm chứng xét nghiệm định lượng yếu tố thấp khớp RF	Hoá chất dùng để kiểm tra chất lượng xét nghiệm định lượng yếu tố thấp khớp RF. - Thành phần: Huyết thanh người với phụ gia hóa học và vật liệu có nguồn gốc sinh học. - Sử dụng được trên máy xét nghiệm sinh hoá Cobas 8000, hãng Roche Diagnostics.	ml	16

ST T	Danh mục hàng hóa	Yêu cầu về tính năng, yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
3.57	Hoá chất kiểm chứng xét nghiệm Anti- CCP	Hoá chất dùng để tra độ đúng và độ chính xác của xét nghiệm miễn dịch Anti-CCP. - Thành phần: huyết thanh đông khô lấy từ huyết thanh người với 2 khoảng nồng độ. - Sử dụng được trên máy xét nghiệm sinh hoá Cobas 8000, hãng Roche Diagnostics.	ml	16
4	Vật tư, hoá chất dùng cho máy xét nghiệm sinh hoá AU5800, hãng Beckman Coulter			
4.1	Bóng đèn 20W	Bóng đèn dùng cho máy xét nghiệm sinh hoá. - Nguồn điện: 12V. - Công suất: 20W.	Cái	04
4.2	Bóng đèn Halogen	Bóng đèn Halogen dùng cho máy xét nghiệm sinh hoá. - Nguồn sáng: 12V. - Công suất: 100W.	Cái	10
4.3	Cốc đựng mẫu	Ống lấy mẫu dùng cho máy xét nghiệm sinh hoá. - Chất liệu: nhựa Polypropylene. - Đóng gói: 100 Cái/túi. - Sử dụng được trên máy xét nghiệm sinh hoá AU5800, hãng Beckman Coulter.	Cái	1.000
4.4	Chất hiệu chuẩn mức thấp cho xét nghiệm điện giải	Chất hiệu chuẩn mức thấp dùng cho xét nghiệm định lượng nồng độ Na^+ , K^+ và clorua Cl^- trong huyết thanh, huyết tương; - Thành phần: Na^+ , K^+ , Cl^- với nồng độ theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất. - Sử dụng được trên máy xét nghiệm sinh hoá AU5800, hãng Beckman Coulter.	ml	800
4.5	Chất hiệu chuẩn mức trung bình cho xét nghiệm điện giải	Chất hiệu chuẩn mức trung bình Sử dụng được cho xét nghiệm định lượng nồng độ Na^+ , K^+ và Cl^- - Thành phần: Na^+ , K^+ , Cl^- với nồng độ theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất. - Sử dụng được trên máy xét nghiệm sinh hoá AU5800, hãng Beckman Coulter.	ml	160.000
4.6	Chất hiệu chuẩn mức cao cho xét nghiệm điện giải	Chất hiệu chuẩn mức cao dùng cho xét nghiệm định lượng nồng độ Na^+ , K^+ và clorua Cl^- trong huyết thanh, huyết tương. - Thành phần: Na^+ , K^+ , Cl^- với nồng độ theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất. - Sử dụng được trên máy xét nghiệm sinh hoá AU5800, hãng Beckman Coulter.	ml	800

ST T	Danh mục hàng hóa	Yêu cầu về tính năng, yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
4.7	Dung dịch đệm	Dung dịch đệm Sử dụng được cho xét nghiệm định lượng (gián tiếp) nồng độ Na ⁺ , K ⁺ và Cl ⁻ . - Thành phần: Triethanolamine. - Sử dụng được trên máy xét nghiệm sinh hoá AU5800, hãng Beckman Coulter.	ml	160.000
4.8	Dung dịch điện giải cho điện cực tham chiếu	Hoá chất điện giải cho điện cực tham chiếu Sử dụng được cho xét nghiệm định lượng (gián tiếp) nồng độ Na ⁺ , K ⁺ và Cl ⁻ . - Thành phần: Kali clorua. - Sử dụng được trên máy xét nghiệm sinh hoá AU5800, hãng Beckman Coulter.	ml	40.000
4.9	Dây bơm nhu động	- Dây bơm nhu động dùng cho máy xét nghiệm sinh hoá. - Sử dụng được trên máy xét nghiệm sinh hoá AU5800, hãng Beckman Coulter.	Cái	15
4.10	Dung dịch ly giải hồng cầu dùng cho xét nghiệm HbA1c	Dung dịch ly giải hồng cầu dùng cho xét nghiệm định lượng HbA1c. - Thành phần: Tetradeoyltrimethylammonium bromid. - Sử dụng được trên máy xét nghiệm sinh hoá AU5800, hãng Beckman Coulter.	ml	3.000
4.11	Dung dịch rửa	Dung dịch rửa cho máy xét nghiệm sinh hoá - Thành phần: Sodium Hypochlorite - Sử dụng được trên máy xét nghiệm sinh hoá AU5800, hãng Beckman Coulter.	ml	1.350
4.12	Dung dịch rửa hệ thống máy sinh hóa	Dung dịch rửa hệ thống máy sinh hóa. - Thành phần: Sodium Hydroxide, Genapol, Sulfonic acids, C14-17-sec-alkane, muối natri. - Sử dụng được trên máy xét nghiệm sinh hoá AU5800, hãng Beckman Coulter.	ml	300.000
4.13	Điện cực Chloride	Điện cực Chloride dùng cho máy xét nghiệm sinh hoá. - Tuổi thọ: ≥ 40.000 xét nghiệm hoặc ≥ 6 tháng. - Sử dụng được trên máy xét nghiệm sinh hoá AU5800, hãng Beckman Coulter.	Cái	03
4.14	Điện cực Potassium	Điện cực Potassium dùng cho máy xét nghiệm sinh hoá.	Cái	03

ST T	Danh mục hàng hóa	Yêu cầu về tính năng, yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
		- Tuổi thọ: ≥ 40.000 xét nghiệm hoặc ≥ 6 tháng. - Sử dụng được trên máy xét nghiệm sinh hoá AU5800, hãng Beckman Coulter.		
4.15	Điện cực Sodium	Điện cực Sodium dùng cho máy xét nghiệm sinh hoá. - Tuổi thọ: ≥ 40.000 xét nghiệm hoặc ≥ 6 tháng. - Sử dụng được trên máy xét nghiệm sinh hoá AU5800, hãng Beckman Coulter.	Cái	03
4.16	Hóa chất xét nghiệm định lượng Albumin	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng Albumin. - Thành phần: Succinate buffer, Bromocresol green. - Sử dụng được trên máy xét nghiệm sinh hoá AU5800, hãng Beckman Coulter.	ml	464
4.17	Hóa chất xét nghiệm định lượng Bilirubin toàn phần	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng Bilirubin toàn phần. - Thành phần: Caffeine; 3,5 Dichlorophenyl diazonium tetrafluoroborate. - Sử dụng được trên máy xét nghiệm sinh hoá AU5800, hãng Beckman Coulter.	ml	240
4.18	Hóa chất xét nghiệm định lượng Bilirubin trực tiếp	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng Bilirubin trực tiếp. - Thành phần: 3,5 Dichlorophenyl diazonium tetrafluoroborate. - Sử dụng được trên máy xét nghiệm sinh hoá AU5800, hãng Beckman Coulter.	ml	240
4.19	Hóa chất xét nghiệm định lượng Calci toàn phần	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng Calci toàn phần. - Thành phần: Imidazol, Arsenazo III. - Sử dụng được trên máy xét nghiệm sinh hoá AU5800, hãng Beckman Coulter.	ml	300
4.20	Hóa chất xét nghiệm định lượng Cholesterol toàn phần	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng Cholesterol toàn phần. - Thành phần: Dung dịch đệm photphat, 4-Aminoantipyrine, Phenol, Cholesterol esterase, Cholesterol oxidase, Peroxidase.	ml	450

ST T	Danh mục hàng hóa	Yêu cầu về tính năng, yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
		- Sử dụng được trên máy xét nghiệm sinh hoá AU5800, hãng Beckman Coulter.		
4.21	Hóa chất xét nghiệm định lượng Creatinin	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng Creatinin. - Thành phần: Natri hiđroxit, Axit picric. - Sử dụng được trên máy xét nghiệm sinh hoá AU5800, hãng Beckman Coulter.	ml	10.200
4.22	Hóa chất xét nghiệm định lượng CRP	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng CRP. - Thành phần: Glycine buffer, Latex, phủ kháng thể kháng CRP. - Sử dụng được trên máy xét nghiệm sinh hoá AU5800, hãng Beckman Coulter.	ml	2.400
4.23	Hóa chất xét nghiệm định lượng Glucose	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng Glucose. - Thành phần: Dung dịch đệm, ATP, NAD ⁺ , Mg ²⁺ , Hexokinase, G6P-DH. - Sử dụng được trên máy xét nghiệm sinh hoá AU5800, hãng Beckman Coulter.	ml	8.000
4.24	Hoá chất xét nghiệm định lượng HbA1c	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng HbA1c. - Thành phần: + chất hiệu chuẩn HbA1c. + thuốc thử chứa kháng thể kháng HbA1c ở người + thuốc thử Polyhapten: HbA1c Polyhapten, đệm + thuốc thử Hemoglobin toàn phần: đệm photphat. - Sử dụng được trên máy xét nghiệm sinh hoá AU5800, hãng Beckman Coulter.	ml	1.014
4.25	Hóa chất xét nghiệm định lượng HDL-Cholesterol	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng HDL-Cholesterol. - Thành phần: Kháng thể kháng β -lipoprotein ở người, Cholesterol esterase, Cholesterol oxidase, Peroxidase, Ascorbate Oxidase, N-Ethyl - N - (2-hydroxy-3-sulfopropyl) - 3,5- dimethoxy - 4 fluoroaniline (F-DAOS), 4-Aminoantipyrine.	ml	2.880

ST T	Danh mục hàng hóa	Yêu cầu về tính năng, yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
		- Sử dụng được trên máy xét nghiệm sinh hoá AU5800, hãng Beckman Coulter.		
4.26	Hóa chất xét nghiệm định lượng LDL - Cholesterol	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng LDL-Cholesterol. - Thành phần: Cholesterol esterase, Cholesterol oxidase Peroxidase, Natri azit, 4 - aminoantipyrine, Catalase, HDAOS. - Sử dụng được trên máy xét nghiệm sinh hoá AU5800, hãng Beckman Coulter.	ml	2.880
4.27	Hóa chất xét nghiệm định lượng Protein trong nước tiểu và CSF	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng protein toàn phần trong nước tiểu và CSF. - Thành phần: Pyrogallol đỏ, Natri Molybdate, Axit succinic, Natri Benzoat, Natri Oxalate, Methanol và chất hiệu chuẩn: Albumin huyết thanh người. - Sử dụng được trên máy xét nghiệm sinh hoá AU5800, hãng Beckman Coulter.	ml	395
4.28	Hóa chất xét nghiệm định lượng Protein toàn phần	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng protein toàn phần. - Thành phần: Natri hydroxyd, Kali natri tartrat, Đồng sulphat, Kali iodid. - Sử dụng được trên máy xét nghiệm sinh hoá AU5800, hãng Beckman Coulter.	ml	2.000
4.29	Hóa chất xét nghiệm định lượng Sắt	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng sắt. - Thành phần: L-ascorbic acid; 2,4,6-Tri(2-pyridyl)-5-triazine. - Sử dụng được trên máy xét nghiệm sinh hoá AU5800, hãng Beckman Coulter.	ml	840
4.30	Hóa chất xét nghiệm định lượng Triglycerid	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng Triglyceride. - Thành phần: Mg ²⁺ , MADB, 4-Aminoantipyrine, ATP, Lipases, Glycerol kinase, Peroxidase, Ascorbate, Glycerol-3-phosphate oxidase. - Sử dụng được trên máy xét nghiệm sinh hoá AU5800, hãng Beckman Coulter.	ml	2.500
4.31	Hóa chất xét nghiệm định lượng Urea	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng Urea.	ml	10.600

ST T	Danh mục hàng hóa	Yêu cầu về tính năng, yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
		- Thành phần: NADH, Tetra-Sodium diphosphate, EDTA, 2-Oxoglutarate, Urease, ADP, GLDH. - Sử dụng được trên máy xét nghiệm sinh hoá AU5800, hãng Beckman Coulter.		
4.32	Hóa chất xét nghiệm định lượng Uric Acid trong máu	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng Acid Uric trong máu. - Thành phần: MADB, 4-Aminophenazone, Peroxidase, Uricase, Ascorbate Oxidase. - Sử dụng được trên máy xét nghiệm sinh hoá AU5800, hãng Beckman Coulter.	ml	2.210
4.33	Hóa chất đo hoạt độ ALT	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng ALT. - Thành phần: L-Alanine, 2-Oxoglutarate, LDH, NADH. - Sử dụng được trên máy xét nghiệm sinh hoá AU5800, hãng Beckman Coulter.	ml	9.000
4.34	Hóa chất đo hoạt độ α -Amylase	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng α -Amylase. - Thành phần: Calcium acetate, Natri clorua, Potassium thiocyanate, CNPG3. - Sử dụng được trên máy xét nghiệm sinh hoá AU5800, hãng Beckman Coulter.	ml	960
4.35	Hóa chất đo hoạt độ AST (GOT)	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng AST. - Thành phần: L-aspartate, 2-Oxoglutarate, LDH, MDH, NADH. - Sử dụng được trên máy xét nghiệm sinh hoá AU5800, hãng Beckman Coulter.	ml	6.000
4.36	Hóa chất đo hoạt độ CK	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng CK. - Thành phần: NADP, ADP, AMP, EDTA, Glucose, Creatine phosphate, N-acetylcysteine, Activator, Mg ²⁺ , Diadenosine pentaphosphate, HK, G6P-DH. - Sử dụng được trên máy xét nghiệm sinh hoá AU5800, hãng Beckman Coulter.	ml	256
4.37	Hóa chất đo hoạt độ CK-MB	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng CK-MB.	ml	128

ST T	Danh mục hàng hóa	Yêu cầu về tính năng, yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
		<p>- Thành phần: Diadenosine-pentaphosphate, Hexokinase (HK), EDTA, NADP, Glucose, G6P-DH, Creatine phosphate, ADP, N-Acetylcysteine, Mg-Acetate, AMP, Kháng thể kháng tiểu đơn vị CK-M.</p> <p>- Sử dụng được trên máy xét nghiệm sinh hoá AU5800, hãng Beckman Coulter.</p>		
4.38	Hóa chất đo hoạt độ GGT	<p>Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng GGT.</p> <p>- Thành phần: Glycylglycine; L-γ-glutamyl-3-carboxy-4-nitroanilide.</p> <p>- Sử dụng được trên máy xét nghiệm sinh hoá AU5800, hãng Beckman Coulter.</p>	ml	1.280
4.39	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Ethanol	<p>Hoá chất dùng để đo nồng độ Ethanol trong mẫu huyết thanh, huyết tương và nước tiểu của người.</p> <p>- Thành phần: Đệm, NAD, alcohol dehydrogenase</p> <p>- Sử dụng được trên máy xét nghiệm sinh hoá AU5800, hãng Beckman Coulter.</p>	ml	4.050
4.40	Hóa chất hiệu chuẩn cho các xét nghiệm sinh hóa thường quy	<p>Huyết thanh hiệu chuẩn cho các xét nghiệm sinh hoá thường quy.</p> <p>- Thành phần: Huyết thanh người, các enzym từ người, động vật và thực vật.</p> <p>- Sử dụng được trên máy xét nghiệm sinh hoá AU5800, hãng Beckman Coulter.</p>	ml	240
4.41	Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm Ammonia, Ethanol và CO2	<p>Hoá chất hiệu chuẩn cho các xét nghiệm Ammonia, Ethanol và CO2.</p> <p>- Thành phần: đệm, chứa: đệm amoniac, ethanol, natri hydrocarbonat.</p> <p>- Sử dụng được trên máy xét nghiệm sinh hoá AU5800, hãng Beckman Coulter.</p>	ml	60
4.42	Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm CK-MB	<p>Hoá chất hiệu chuẩn dùng trong xét nghiệm CK-MB.</p> <p>- Thành phần: Huyết thanh người đông khô chứa creatine kinase-MB isoenzyme.</p> <p>- Sử dụng được trên máy xét nghiệm sinh hoá AU5800, hãng Beckman Coulter.</p>	ml	02

ST T	Danh mục hàng hóa	Yêu cầu về tính năng, yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
4.43	Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm CRP có độ nhạy cao	<p>Hoá chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm CRP độ nhạy cao.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thành phần: Chất nền huyết thanh người dạng lỏng có chứa CRP người. - Sử dụng được trên máy xét nghiệm sinh hoá AU5800, hãng Beckman Coulter. 	ml	30
4.44	Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm CRP thường	<p>Hoá chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm CRP thường;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thành phần: Chất nền huyết thanh người dạng lỏng có chứa CRP người. - Sử dụng được trên máy xét nghiệm sinh hoá AU5800, hãng Beckman Coulter. 	ml	30
4.45	Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm HDL-Cholesterol	<p>Hoá chất hiệu chuẩn dùng cho xét nghiệm định lượng HDL-Cholesterol.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thành phần: Huyết thanh người dạng bột đông khô chứa HDL-Cholesterol (người). - Sử dụng được trên máy xét nghiệm sinh hoá AU5800, hãng Beckman Coulter. 	ml	24
4.46	Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm LDL-Cholesterol	<p>Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm LDL-Cholesterol.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thành phần: Huyết thanh người dạng bột đông khô chứa LDL-Cholesterol (người). - Sử dụng được trên máy xét nghiệm sinh hoá AU5800, hãng Beckman Coulter. 	ml	06
4.47	Hóa chất kiểm chứng cho xét nghiệm HbA1c	<p>Hóa chất kiểm chứng cho xét nghiệm HbA1c.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thành phần: Máu người chứa các haemoglobin bình thường. - Sử dụng được trên máy xét nghiệm sinh hoá AU5800, hãng Beckman Coulter. 	ml	08
4.48	Hóa chất kiểm chứng cho xét nghiệm HDL/LDL-C	<p>Hóa chất kiểm chứng cho xét nghiệm HDL/LDL-Cholesterol.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thành phần: Huyết thanh người dạng đông khô có chứa HDL-Cholesterol và LDL-Cholesterol (người); Chất kiểm chứng 2 mức. - Sử dụng được trên máy xét nghiệm sinh hoá AU5800, hãng Beckman Coulter. 	ml	30

ST T	Danh mục hàng hóa	Yêu cầu về tính năng, yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
4.49	Hóa chất kiểm chứng mức 1 cho các xét nghiệm đo độ đục miễn dịch	<p>Hoá chất kiểm chứng mức 1 cho các xét nghiệm đo độ đục miễn dịch.</p> <p>- Thành phần: Huyết thanh người chứa α-1 acidglycoprotein; Ferritin;α-1 antitrypsin; Haptoglobin; Anti-Streptolysin O; β-2 microglobulin; Globulin miễn dịch A; Globulin miễn dịch M; Globulin miễn dịch G; Ceruloplasmin; Bỏ thể 3 (C3); Prealbumin; Bỏ thể 4 (C4); Yếu tố dạng thấp; Protein phản ứng C (CRP); Transferrin.</p> <p>- Sử dụng được trên máy xét nghiệm sinh hoá AU5800, hãng Beckman Coulter.</p>	ml	16
4.50	Hóa chất kiểm chứng mức 2 cho các xét nghiệm đo độ đục miễn dịch	<p>Hoá chất kiểm chứng mức 2 cho các xét nghiệm đo độ đục miễn dịch.</p> <p>- Thành phần: Huyết thanh người chứa α-1 acidglycoprotein; Ferritin;α-1 antitrypsin; Haptoglobin; Anti-Streptolysin O; β-2 microglobulin; Globulin miễn dịch A; Globulin miễn dịch M; Globulin miễn dịch G; Ceruloplasmin; Bỏ thể 3 (C3); Prealbumin; Bỏ thể 4 (C4); Yếu tố dạng thấp; Protein phản ứng C (CRP); Transferrin</p> <p>- Sử dụng được trên máy xét nghiệm sinh hoá AU5800, hãng Beckman Coulter.</p>	ml	16
4.51	Hóa chất kiểm chứng mức 3 cho các xét nghiệm miễn dịch đo độ đục	<p>Hoá chất kiểm chứng mức 3 cho các xét nghiệm đo độ đục miễn dịch</p> <p>- Thành phần: Huyết thanh người chứa α-1 acidglycoprotein; Ferritin;α-1 antitrypsin; Haptoglobin; Anti-Streptolysin O; β-2 microglobulin; Globulin miễn dịch A; Globulin miễn dịch M; Globulin miễn dịch G; Ceruloplasmin; Bỏ thể 3 (C3); Prealbumin; Bỏ thể 4 (C4); Yếu tố dạng thấp; Protein phản ứng C (CRP); Transferrin</p> <p>- Sử dụng được trên máy xét nghiệm sinh hoá AU5800, hãng Beckman Coulter.</p>	ml	16
4.52	Hóa chất kiểm chứng mức 1 cho các xét	Hoá chất kiểm chứng cho các xét nghiệm sinh hóa thường quy mức 1.	ml	350

ST T	Danh mục hàng hóa	Yêu cầu về tính năng, yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
	thí nghiệm sinh hóa thường quy	- Thành phần: Huyết thanh người dạng đông khô chứa hóa chất phụ gia và các enzyme thích hợp có nguồn gốc con người và động vật. - Sử dụng được trên máy xét nghiệm sinh hoá AU5800, hãng Beckman Coulter.		
4.53	Hóa chất kiểm chứng mức 2 cho các xét nghiệm sinh hóa thường quy	Hoá chất kiểm chứng cho các xét nghiệm sinh hóa thường quy mức 2. - Thành phần: Huyết thanh người dạng đông khô chứa hóa chất phụ gia và các enzyme thích hợp có nguồn gốc con người và động vật. - Sử dụng được trên máy xét nghiệm sinh hoá AU5800, hãng Beckman Coulter.	ml	350
4.54	Hóa chất kiểm chứng mức 1 cho xét nghiệm Ammonia, Ethanol và CO2	Hoá chất kiểm chứng mức 1 cho các xét nghiệm Ammonia, Ethanol và CO2. - Thành phần: dung dịch đệm, chứa: amoniac, ethanol, natri hydrocarbonat. - Sử dụng được trên máy xét nghiệm sinh hoá AU5800, hãng Beckman Coulter.	ml	60
4.55	Hóa chất kiểm chứng mức 2 cho xét nghiệm Ammonia, Ethanol và CO2	Hoá chất kiểm chứng mức 2 cho các xét nghiệm Ammonia, Ethanol và CO2. - Thành phần: dung dịch đệm, chứa: amoniac, ethanol, natri hydrocarbonat. - Sử dụng được trên máy xét nghiệm sinh hoá AU5800, hãng Beckman Coulter.	ml	60
4.56	Hóa chất kiểm chứng mức 1 cho xét nghiệm CK-MB	Hoá chất kiểm chuẩn mức 1 dùng trong xét nghiệm CK-MB. - Thành phần: Huyết thanh người đông khô chứa creatine kinase-MB isoenzyme. - Sử dụng được trên máy xét nghiệm sinh hoá AU5800, hãng Beckman Coulter.	ml	04
4.57	Hóa chất kiểm chứng mức 2 cho xét nghiệm CK-MB	- Hoá chất kiểm chuẩn mức 2 dùng trong xét nghiệm CK-MB. - Thành phần: Huyết thanh người đông khô chứa creatine kinase-MB isoenzyme. - Sử dụng được trên máy xét nghiệm sinh hoá AU5800, hãng Beckman Coulter.	ml	04

ST T	Danh mục hàng hóa	Yêu cầu về tính năng, yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
4.58	Hóa chất kiểm chứng dùng cho các xét nghiệm nước tiểu	<p>Hoá chất kiểm tra dùng cho các xét nghiệm nước tiểu.</p> <p>- Thành phần: chất nền là nước tiểu người có thêm amylase nước bọt của người, hCG có nguồn gốc từ nước tiểu người, albumin của người và bò.</p> <p>- Sử dụng được trên máy xét nghiệm sinh hoá AU5800, hãng Beckman Coulter.</p>	ml	180

Mẫu báo giá
Gói thầu Mua sắm hoá chất, vật tư xét nghiệm lần 2 năm 2025-2027

BÁO GIÁ

Kính gửi: ... [ghi rõ tên của Chủ đầu tư yêu cầu báo giá]

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của... [ghi rõ tên của Chủ đầu tư yêu cầu báo giá], chúng tôi...[ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá cho các loại vật tư, hoá chất, thiết bị y tế như sau:

1. Báo giá cho các thiết bị y tế và dịch vụ liên quan

STT	STT theo yêu cầu báo giá	Danh mục hàng hóa	Ký, mã, nhãn hiệu, model	Hãng sản xuất	Đặc tính kỹ thuật, thông số kỹ thuật	Mã HS	Nước sản xuất	Số lượng/ khối lượng	Đơn vị tính	Đơn giá Trước thuế (VND)	Thuế VAT	Thành tiền (VND)
1		Hàng hoá A										
2		Hàng hoá B										
n		...										

Hãng sản xuất, nhà cung cấp: Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về mã HS, tính năng, thông số kỹ thuật, hợp đồng tương tự hoặc các tài liệu liên quan của thiết bị y tế (nếu có)

2. Báo giá đã bao gồm các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có)...và các khoản chi phí khác có liên quan, bên mua không phải trả thêm bất kỳ khoản chi phí nào khác.

3. Hàng hóa mới 100%, bàn giao tại đơn vị sử dụng. Bảo hành theo tiêu chuẩn nhà sản xuất Tháng (nếu có).

4. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: 90 ngày, kể từ ngày 26/01/2026

5. Chúng tôi cam kết:

- Chịu trách nhiệm về việc cung cấp thông tin về giá của hàng hóa, dịch vụ phù hợp với khả năng cung cấp của mình và bảo đảm việc cung cấp báo giá không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá hoặc nâng khống giá.

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy

chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

....., ngày..... tháng.....năm.....

Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp
(Ký tên, đóng dấu (nếu có))